

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2020

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2020 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109B/2020/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 300, ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Kh, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 670/AT, ấp A, xã A huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2020, biên bản hòa giải ngày 19/8/2020 chị T trình bày:

Chị và anh Kh tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do Kh thường hay cãi vã, hành hung chị và không quan tâm đến vợ con. Chị đã cố gắng chịu đựng mong Kh thay đổi tính tình, nhưng Kh chứng nào tật nấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày

càng trầm trọng nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở đã 02 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống được nữa nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 08/3/2017, hiện đang sống với chị T. Sau ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Kh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

** Quá trình tố tụng tại bản tự khai ngày 19/8/2020, biên bản hòa giải ngày 19/8/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Kh trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị T trình bày về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn. Anh thừa nhận có những lúc nóng giận anh có hay lớn tiếng với vợ và có đánh vợ, nhưng nay anh vẫn còn thương vợ thương con, anh muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 08/3/2017. Hiện con chung đang sống với chị T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, Kh đồng ý để chị T nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị T ly hôn với Kh. Về con chung: Giao cháu Đoàn Văn Phúc cho chị T nuôi dưỡng và ghi nhận chị T không yêu cầu Kh cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa theo quy định pháp luật vào năm 2014. Do đó, hôn nhân của chị T và Kh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng vợ chồng thường hay cãi vã, Kh hành hung chị và không quan tâm đến vợ con. Chị đã cố gắng chịu đựng mong Kh thay đổi tính tình, nhưng Kh chứng nào tật nấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở đã 02 tháng nay. Tại phiên tòa, Kh cũng thừa nhận hiện tại vợ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và Kh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Văn Phúc, sinh ngày 08/3/2017. Hiện con chung đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Kh cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, Kh đồng ý với yêu cầu của chị T, nên HĐXX chấp nhận để chị T tiếp tục nuôi con chung và Kh không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Kh.

2. Về con chung: Chị T được nuôi con chung tên P, sinh ngày 08/3/2017 và anh Kh không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Kh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0002604 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng